

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 2097/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 12 tháng 06 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Khai thác, thu hồi đất, đá trong khu vực đầu tư xây dựng
Cơ sở sản xuất cơ khí - kết cấu thép - sản xuất bê tông thành phẩm
tại thôn Bình An 1, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định
của Hộ kinh doanh Trần Ngọc Hữu Lợi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 1133/STNMT-CCBVMT ngày 19/4/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Tận thu đất, đá trong khu vực đầu tư xây dựng Cơ sở sản xuất cơ khí - kết cấu thép - sản xuất bê tông thành phẩm tại thôn Bình An 1, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định của Hộ kinh doanh Trần Ngọc Hữu Lợi;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác, thu hồi đất, đá trong khu vực đầu tư xây dựng Cơ sở sản xuất cơ khí - kết cấu thép - sản xuất bê tông thành phẩm tại thôn Bình An 1, xã Phước Thành huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 30/CV-HKD ngày 30/5/2023 của Hộ kinh doanh Trần Ngọc Hữu Lợi;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 652/TTr-STNMT ngày 09/6/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác, thu hồi đất, đá trong khu vực đầu tư xây dựng Cơ sở sản xuất cơ khí - kết cấu thép - sản xuất bê tông thành phẩm (sau đây gọi là Dự án) của Hộ

kinh doanh Trần Ngọc Hữu Lợi (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thôn Bình An 1, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Hộ kinh doanh Trần Ngọc Hữu Lợi có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; chịu trách nhiệm hướng dẫn và giám sát việc thực hiện của nhà thầu trong quá trình khai thác và vận chuyển khoáng sản theo nội dung yêu cầu tại Báo cáo ĐTM và chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động khai thác của Dự án; bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do hoạt động khai thác gây ra.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND huyện Tuy Phước;
- UBND xã Phước Thành;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K10.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA
DỰ ÁN KHAI THÁC, THU HỒI ĐẤT, ĐÁ TRONG KHU VỰC ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG CƠ SỞ SẢN XUẤT CƠ KHÍ - KẾT CẤU THÉP - SẢN XUẤT
BÊ TÔNG THÀNH PHẨM TẠI THÔN BÌNH AN 1,
XÃ PHƯỚC THÀNH, HUYỆN TUY PHƯỚC
CỦA HỘ KINH DOANH TRẦN NGỌC HỮU LỢI
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác, thu hồi đất, đá trong khu vực đầu tư xây dựng Cơ sở sản xuất cơ khí - kết cấu thép - sản xuất bê tông thành phẩm.
- Địa điểm thực hiện: thôn Bình An 1, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: Hộ kinh doanh Trần Ngọc Hữu Lợi.
- Địa chỉ liên hệ: khu phố Trung Tín 1, thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.
- Điện thoại: 0973.569007 (Ông Trần Ngọc Hữu Lợi, chủ hộ kinh doanh).

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Diện tích dự án: 0,72 ha.
- Thời hạn khai thác: 02 năm.
- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00).
- Trữ lượng, công suất được phép khai thác: Trữ lượng được phép khai thác theo Văn bản số 132/STNMT-TNKS ngày 17/01/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường là 31.621 m³ đất san lấp và 5.579 m³ đá xây dựng làm vật liệu xây dựng thông thường. Theo đó, trữ lượng huy động vào khai thác là 21.554 m³ đất san lấp và 4.068 m³ đá xây dựng. Công suất, thời gian khai thác như sau:

- + Năm thứ nhất: 10.554m³ đất san lấp và 1.968 m³ đá xây dựng.
- + Năm thứ 2: 11.000m³ đất san lấp và 2.100m³ đá xây dựng.

1.3. Trình tự và phương pháp khai thác:

- Phương pháp khai thác: mở vĩa tại cao độ cos +30m phía Đông Bắc khu mỏ (gần điểm góc số 6), khai thác theo lớp bằng từ trên xuống dưới. Kết thúc khai thác, địa hình mỏ bằng phẳng ở cos +11,5m (cos kết thúc công trình theo Quyết định số 3518/QĐ-UBND ngày 07/11/2018 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết tổng mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500 Cơ sở sản xuất cơ khí - kết cấu thép - sản xuất bê tông thành phẩm). Sử dụng máy đào (dung tích gầu 1,25 m³) để khai thác và xe 12 tấn để vận chuyển đất, đá

đến khu vực cung cấp sản phẩm.

- Công nghệ chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường: đá tảng lăn được xúc bốc lên ô tô → vận chuyển về khu vực chế biến tại sân công nghiệp → đục đẽo thủ công → sản phẩm (đá hộc, đá lô ca, đá chẻ).

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án:

- Công trình bảo vệ môi trường: 01 hồ giảm tốc phía Đông Bắc, hệ thống mương thu gom nước mưa (phía hạ lưu mỏ, hai bên tuyến đường giao thông nội bộ trong khu vực mỏ, xung quanh bãi thải và từ hồ giảm tốc phía Đông Bắc ra nguồn tiếp nhận).

- Tuyến đường tạm trong mỏ (đường đất) dài khoảng 90 m.

- Khu vực bãi thải (nằm ngoài ranh giới mỏ), diện tích khoảng 600 m² để lưu chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng với diện tích 0,72 ha.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Quá trình khai thác, thu hồi đất, đá: nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn đất, chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ các thiết bị khai thác từ hoạt động khai thác và vận chuyển; gây nguy cơ sạt lở đất trong mùa mưa lũ, sa bồi các dòng chảy và hạ lưu.

- Hoạt động vận chuyển đất làm phát sinh bụi, gây nguy cơ hư hỏng các tuyến đường và mất an toàn giao thông.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động của Dự án

3.1. Nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 0,64 m³/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng 2.767 m³/ngày (tính đối với ngày có lượng mưa phát sinh cao nhất với diện tích lưu vực tiếp nhận nước mưa chảy tràn 2,0 ha).

3.2. Bụi, khí thải: phát sinh từ quá trình khai thác đá, chế biến đá thủ công và vận chuyển đất, đá đến các công trình.

3.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 4,8 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

- Chất thải nguy hại: bóng đèn huỳnh quang thải (Mã chất thải: 16 01 06) khoảng 02 kg/năm.

- Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 10 kg/năm.

3.4. Tiếng ồn, độ rung: phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi san lấp.

3.5. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: hoạt động khai thác đất gây nguy cơ sạt lở trong mùa mưa lũ, ảnh hưởng đến hạ lưu khu vực dự án, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển, mất an toàn giao thông,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

4.1.1. Xử lý nước thải sinh hoạt: khối lượng nước thải sinh hoạt phát sinh không đáng kể, sử dụng nhà vệ sinh được xây dựng sẵn tại Cơ sở sản xuất cơ khí - kết cấu thép - sản xuất bê tông thành phẩm phía Tây khu vực dự án.

4.1.2. Xử lý nước mưa chảy tràn

- Hệ thống mương thu nước mưa chảy tràn dọc phía hạ lưu (kích thước: dài 180 m x rộng 2,0 m x sâu 1,0 m), mương hai bên tuyến đường giao thông trong mỏ (kích thước: dài 180 m x rộng 1,0 m x sâu 0,5 m), mương thu nước xung quanh bãi thải (kích thước: dài 60 m x rộng 2,0 m x sâu 1,0 m) và mương dẫn nước sau xử lý từ hồ giảm tốc ra nguồn tiếp nhận (kích thước: dài 30 m x rộng 2,0 m x sâu 1,0 m). Các mương có kết cấu là mương đất hở, được gia cố đảm bảo.

- Hồ giảm tốc phía Đông Bắc mỏ (tọa độ 1.524.529, 594.042), thể tích khoảng 330 m³ (diện tích 132 m², sâu 2,5 m), được gia cố đảm bảo.

- Quy trình thu gom, xử lý:

+ Nước mưa chảy tràn trên khu vực mỏ → mương thu gom dưới chân móng khai thác dài khoảng 180 m → hồ giảm tốc phía Đông Bắc (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → mương thoát nước ngoài mỏ dài khoảng 30 m → cống ngầm qua đường → sông Hà Thanh.

+ Nước mưa chảy tràn tại bãi thải → mương thu nước xung quanh bãi thải dài khoảng 60 m → hồ giảm tốc phía Đông Bắc (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → mương thoát nước ngoài mỏ dài khoảng 30 m → cống ngầm qua đường → sông Hà Thanh.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi

- Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển từ Dự án đến công trình thi công (đặc biệt lưu ý đoạn qua khu dân cư) và tăng cường vào mùa nắng; phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển, không để rơi vãi.

- Vệ sinh tuyến đường vận chuyển từ mỏ đến công trình thi công.

- Phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển, không để rơi vãi đất.

4.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

Thực hiện thu gom và lưu chứa tại khu vực chứa rác của Cơ sở sản xuất cơ khí – kết cấu thép - sản xuất bê tông thành phẩm phía Tây khu vực dự án và hợp đồng thu gom, xử lý theo quy định.

4.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Thực hiện thu gom và lưu chứa tại khu vực chứa chất thải nguy hại của Cơ sở sản xuất cơ khí – kết cấu thép - sản xuất bê tông thành phẩm phía Tây khu vực dự án và hợp đồng thu gom, xử lý theo quy định.

4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: Không có.

4.5.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường hàng năm với các nội dung sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
I Khu vực trong mỏ					
1.	Cắm biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ	cái	1	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác.	Trước khi tiến hành khai thác và giữ lại sau khi kết thúc Dự án.
2.	San lấp hố giảm tốc và mương dẫn nước	m3	745,8	Trả lại hiện trạng ban đầu	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác.
3.	Tháo dỡ cống thoát nước	Cấu kiện	8		
4.	Trồng cỏ giảm thiểu sạt lở bờ đường	m2	4.198	Giảm thiểu sạt lở bờ đường và vách taluy sau khi kết thúc khai thác	Thực hiện sau khi kết thúc khai thác hằng năm.
5.	Đo vẽ địa hình khu mỏ	ha	0,72	Giám sát độ sâu khai thác	Sau khi kết thúc san gạt mặt bằng.
II Khu vực ngoài mỏ					
6.	Nạo vét mương thoát nước ngoài khu vực dự án	m	30	Đảm bảo khả năng thoát nước khu vực và tránh sa bồi cống ngầm qua đường của địa phương.	Định kỳ

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **124.520.000 đồng** (*Một trăm hai mươi bốn triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng*).

- Số lần ký quỹ: 02 lần; thực hiện ký quỹ như sau:

+ Lần 1, số tiền: 31.130.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mở.

+ Lần còn lại, số tiền: 93.390.000 đồng; thời điểm ký quỹ: thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2023.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện khai thác đến đâu bóc lớp đất tầng phủ đến đó; tạo bờ dừn xung quanh khu vực mỏ (trừ phía Tây) nhằm giảm thiểu sạt lở phía hạ lưu trong quá trình khai thác.

- Thường xuyên nạo vét hố giảm tốc và mương thoát nước mưa đảm bảo giảm nguy cơ sa bồi.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

Giám sát bụi lơ lửng (TSP) 01 điểm tại điểm dân cư trên tuyến giao thông gần dự án về phía Đông Bắc, tọa độ (1.524.611-594.343), so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; tần suất giám sát 06 tháng/lần.